

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CỦA CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*  
*kèm theo*  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**  
Số 41, ngõ 62, Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: (84-4) 3763 4618 Fax: (84-4) 3763 4617

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>02 - 03</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>04 - 05</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	<b>06 - 28</b>
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### **Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018830 ngày 02/08/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 04 (bốn) lần, lần thay đổi thứ 04 với mã số doanh nghiệp 0102333784 vào ngày 19/06/2014, với vốn điều lệ đăng ký là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), theo đó, các thông tin về Công ty như sau:

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**

**Tên giao dịch: HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT INVESTMENT**

**JOINT STOCK COMPANY HUD8**

Trụ sở chính: Lô CC3 Khu ĐT mới Mỹ Đình II, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Lập và quản lý các dự án đầu tư phát triển các khu dân cư, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung; Xây dựng nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp, đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình nhà; Tư vấn, quản lý bất động sản, quản lý khai thác dịch vụ các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung; Tư vấn, thiết kế quy hoạch công trình xây dựng; Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Tư vấn, thiết kế cấp thoát nước; Tư vấn, thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn, tổng thầu tư vấn và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng bao gồm: Lập và thẩm tra dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn công nghệ thiết bị và tự động hóa, lập dự toán và thẩm tra tổng dự toán; Nhận thầu, tổng thầu xây dựng các công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu chính viễn thông, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế điện; Sản xuất mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ xây dựng; Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa công ty kinh doanh; Kinh doanh bất động sản.

### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty gồm:

Ông Ngô Doãn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phúc Khánh	Thành viên	
Ông Trần Đình Vọng	Thành viên	
Ông Cẩm Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm 20/04/2016)
Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Thành viên	(Bổ nhiệm 20/04/2016)
Bà Phùng Thị Phương Anh	Thành viên	

### **Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty gồm:

Ông Nguyễn Phúc Khánh	Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thịnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc

### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính gồm:

Bà Phan Thị Minh Hương	Trưởng ban
Ông Lê Quang Phong	Thành viên
Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên

### **Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (SVA) được chỉ định làm Kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. SVA đề xuất được tiếp tục chỉ định làm Kiểm toán viên cho các năm tài chính tiếp theo.

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong Báo cáo kiểm toán (nếu có), báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính..

### **Thay mặt và đại diện,**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**



**Nguyễn Phúc Khánh**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017



**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

**Hãng chuyên ngành về Kiểm toán - Tư vấn - Định giá**

Trụ sở : Số 41, ngõ 62 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel : (84-4) 3763 4618 Fax: (84-4) 3763 4617

Website: <http://www.saovietaudit.com>

Số: 05-2017/BCKT/HUD8-SVA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD 8**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 được lập ngày 17/02/2017, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



---

**Nguyễn Hồng Chuẩn**

**Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số:

1214-2014-107-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN kiểm toán số:

2358-2014-107-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số: B01-DN

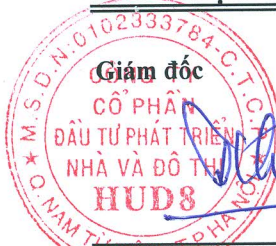
Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>486.290.617.221</b>	<b>520.300.762.776</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.837.277.191</b>	<b>6.377.962.719</b>
1	Tiền	111		9.837.277.191	6.377.962.719
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>96.446.965.261</b>	<b>122.619.862.378</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		96.446.965.261	122.619.862.378
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>149.513.939.505</b>	<b>106.636.202.050</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.559.718.000	4.697.189.951
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	108.000.000.000	100.000.000.000
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	39.954.221.505	1.939.012.099
7	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>228.140.479.860</b>	<b>283.534.001.191</b>
1	Hàng tồn kho	141		228.844.419.510	284.253.315.588
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(703.939.650)	(719.314.397)
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.351.955.404</b>	<b>1.132.734.438</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	15.479.475	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.8	2.336.475.929	1.132.734.438
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.655.455.274</b>	<b>8.951.253.856</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.295.341.329</b>	<b>1.700.799.664</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.295.341.329	1.700.799.664
	- Nguyên giá	222		6.138.492.728	4.206.888.182
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.843.151.399)	(2.506.088.518)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>6.178.023.411</b>	<b>7.064.118.692</b>
1	Nguyên giá	231		6.483.362.914	7.225.048.552
2	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(305.339.503)	(160.929.860)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>182.090.534</b>	<b>186.335.500</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	182.090.534	186.335.500
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>250</b>		<b>495.946.072.495</b>	<b>529.252.016.632</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN  
Đơn vị tính: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>362.151.208.105</b>	<b>396.752.725.756</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.883.343.545</b>	<b>247.750.807.149</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.212.642.920	12.264.036.962
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	14.010.228	14.000.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	174.094.394	384.220.688
4	Phải trả người lao động	314		1.451.946.044	1.543.774.381
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.203.383.211	34.158.784.128
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	119.290.000.000	145.166.751.017
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	5.387.739.955	40.679.223.102
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	10.726.814.173	7.419.424.387
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.422.712.620	6.120.592.484
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>206.267.864.560</b>	<b>149.001.918.607</b>
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	206.267.864.560	149.001.918.607
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>133.794.864.390</b>	<b>132.499.290.876</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>133.794.864.390</b>	<b>132.499.290.876</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		18.441.964.996	16.872.039.898
11	Lợi nhuận chưa phân phối	421		15.352.899.394	15.627.250.978
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.461.153.744	2.423.334.231
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.891.745.650	13.203.916.747
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>495.946.072.495</b>	<b>529.252.016.632</b>



Nguyễn-Phúc Khánh

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Tạ Văn Phương

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Hằng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

Mẫu số: B02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

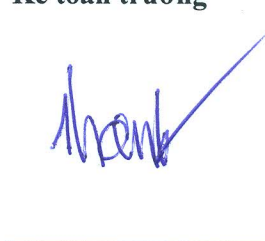
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	GHI CHÚ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	97.319.528.666	99.232.186.225
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	97.319.528.666	99.232.186.225
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	78.762.114.823	79.238.358.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.557.413.843	19.993.827.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.466.285.012	8.355.063.076
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	28.420.000	108.233.840
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.420.000	108.233.840
8. Chi phí bán hàng	24		4.997.978.270	2.047.625.214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		11.622.456.736	9.671.453.923
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.374.843.849	16.521.577.390
11. Thu nhập khác	31		2.266.706.410	556.072.280
12. Chi phí khác	32		943.169.712	16.097.862
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	1.323.536.698	539.974.418
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.698.380.547	17.061.551.808
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.7	3.734.634.897	3.785.635.061
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.963.745.650	13.275.916.747
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70	VI.8	1.396	1.328
19. Lãi suy giảm trên Cổ phiếu	71			

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu







Nguyễn Phúc Khánh

Tạ Văn Phương

Hoàng Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

Mẫu số: B03-DN  
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01	87.715.854.179	273.485.621.553
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và dịch vụ	02	(45.080.125.737)	(83.299.795.853)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.260.372.565)	(5.662.510.929)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(28.420.000)	(60.213.903)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.016.467.192)	(4.823.776.611)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.054.880.165	3.041.430.011
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(55.536.691.491)	(12.966.143.226)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(17.151.342.641)</b>	<b>169.714.611.042</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.052.000.000)	-
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	581.818.182	2.227.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(74.200.000.000)	(367.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	105.303.431.873	218.063.035.986
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.777.407.058	1.211.706.051
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>30.410.657.113</b>	<b>(147.923.030.690)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.000.000.000	33.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.000.000.000)	(33.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.800.000.000)	(19.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.800.000.000)</b>	<b>(19.600.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.459.314.472</b>	<b>2.191.580.352</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.377.962.719</b>	<b>4.186.382.367</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>9.837.277.191</b>	<b>6.377.962.719</b>



Nguyễn Phúc Khánh

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng

Tạ Văn Phương

Người lập biểu

Hoàng Thị Thu Hằng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số: B09-DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018830 ngày 02/08/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 04 (bốn) lần, lần thay đổi thứ 04 với mã số doanh nghiệp 0102333784 vào ngày 19/06/2014, với vốn điều lệ đăng ký là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), theo đó, các thông tin về Công ty như sau:

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**

Tên giao dịch: HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT INVESTMENT

Trụ sở chính: Lô CC3 Khu ĐT mới Mỹ Đình II, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Lập và quản lý các dự án đầu tư phát triển các khu dân cư, khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung; Xây dựng nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp, đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình nhà; Tư vấn, quản lý bất động sản, quản lý khai thác dịch vụ các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung; Tư vấn, thiết kế quy hoạch công trình xây dựng; Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Tư vấn, thiết kế cấp thoát nước; Tư vấn, thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn, giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Tư vấn, tổng thầu tư vấn và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng bao gồm: Lập và thẩm tra dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn công nghệ thiết bị và tự động hóa, lập dự toán và thẩm tra tổng dự toán; Nhận thầu, tổng thầu xây dựng các công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, bưu chính viễn thông, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, công trình đường dây và trạm biến thế điện; Sản xuất mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị, công nghệ xây dựng; Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa công ty kinh doanh; Kinh doanh bất động sản.

**2 Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán**

**a) Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**b) Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty bị mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua, được ghi nhận là lợi thế thương mại tại khoản mục chi phí trả trước dài hạn. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động hợp nhất kinh doanh.

**c) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ trên phần mềm kế toán.

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

**d) Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam**

Trong năm tài chính 2016, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị HUD8, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**e) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được hạch toán và phản ánh theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

**f) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

Chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

**g) Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc lớn hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

**h) Tài sản cố định và khấu hao**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

- Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi chép theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Loại tài sản**

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

**i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

**j) Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc bắt đầu kể từ ngày phát sinh khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Giá tham chiếu đối với các loại chứng khoán:**

**- Đối với chứng khoán niêm yết:**

+ Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

**- Đối với chứng khoán chưa niêm yết:**

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) Công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

+ Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

+ Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

**k) Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**l) Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**p) Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**q) Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**r) Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

- Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.
- Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng thương mại công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo các quy định hiện hành.

**s) Các nghĩa vụ về thuế:**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ hoàn tất khi có cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các khoản thuế khác sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**t) Các bên có liên quan**

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
 Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>436.386.617</b>	<b>779.700.438</b>
Tiền mặt VND	436.386.617	779.700.438
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>9.400.890.574</b>	<b>5.598.262.281</b>
Tiền VND gửi ngân hàng	9.400.890.574	5.598.262.281
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.837.277.191</b>	<b>6.377.962.719</b>

**V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội	96.446.965.261	-	100.406.549.953	-
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Nam Thăng Long	-	-	22.213.312.425	-
<b>Cộng</b>	<b>96.446.965.261</b>	<b>-</b>	<b>122.619.862.378</b>	<b>-</b>

**V.3 Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Hà Nội	414.000.000	414.000.000
Công ty CP Xây lắp và Phát triển nhà HUD 3.3	444.986.000	3.777.595.484
Công ty CP Đầu tư và thương mại KHP	693.732.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	7.000.000	505.594.467
<b>Cộng</b>	<b>1.559.718.000</b>	<b>4.697.189.951</b>

**V.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (*)	108.000.000.000	-	100.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo hợp đồng vay vốn số 639/HĐVV-HUD giữa Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị HUD 8 và Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị với lãi suất cố định 8%/năm.

**V.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế TNCN	899.303	-	899.304	-
Tiền điện nước	15.306.764	-	9.547.955	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	988.356.303	-	1.281.568.661	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	696.000.000	-	644.444.444	-
Bảo hiểm xã hội	3.659.135	-	2.551.735	-
Công ty CPTVCN, TB&KTXD Coninco (PLHĐ số 01/2016/PLHĐ ngày 12/05/2016)	38.250.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>39.954.221.505</b>	<b>-</b>	<b>1.939.012.099</b>	<b>-</b>

**V.6 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	228.844.419.510	(703.939.650)	284.253.315.588	(719.314.397)
Dự án Vân Canh - Hoài Đức - Hà Nội	663.350.423	-	671.420.833	-
Dự án Tây Nam hồ Linh Đàm	181.407.916.016	-	180.593.350.054	-
Dự án Lào Cai	46.773.153.071	(703.939.650)	102.988.544.701	(719.314.397)
<b>Cộng</b>	<b>228.844.419.510</b>	<b>(703.939.650)</b>	<b>284.253.315.588</b>	<b>(719.314.397)</b>

**V.7 Thuế GTGT được khấu trừ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	15.479.475	-
<b>Cộng</b>	<b>15.479.475</b>	<b>-</b>

**V.8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN	2.336.475.929	1.132.734.438
<b>Cộng</b>	<b>2.336.475.929</b>	<b>1.132.734.438</b>

**V.9 Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 - trang 26)**

**V.10 Bất động sản đầu tư**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>a, Bất động sản cho thuê</b>				
Nguyên giá	7.225.048.552	-	(741.685.638)	6.483.362.914
- Nhà	7.225.048.552	-	(741.685.638)	6.483.362.914
Hao mòn lũy kế	(160.929.860)	(144.409.643)	-	(305.339.503)
- Nhà	(160.929.860)	(144.409.643)	-	(305.339.503)
Giá trị còn lại	7.064.118.692	-	-	6.178.023.411
- Nhà	7.064.118.692	-	-	6.178.023.411

Bất động sản đầu tư là kiốt cho thuê nhà DICT2 khu đô thị Linh Đàm, nguyên giá tài sản được tạm ghi nhận theo giá trị đầu tư để hoàn thành công trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**

Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**V.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bảo trì chung cư D1CT2 Linh Đàm - Diện tích Kí ốt cho thuê	182.090.534	186.335.500
<b>Cộng</b>	<b>182.090.534</b>	<b>186.335.500</b>

**V.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư Khai thác nhà Hà Nội	327.481.657	327.481.657	327.481.657	327.481.657
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	480.600.000	480.600.000	10.621.585.374	10.621.585.374
Công ty CP XL & PT nhà HUD 3.3	-	-	237.419.950	237.419.950
Công ty TNHH Thang máy Misubishi Việt Nam	-	-	592.200.000	592.200.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư A.LA	119.835.300	119.835.300	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	284.725.963	284.725.963	485.349.981	485.349.981
<b>Cộng</b>	<b>1.212.642.920</b>	<b>1.212.642.920</b>	<b>12.264.036.962</b>	<b>12.264.036.962</b>

**V.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Đối tượng khác	14.010.228	14.010.228	14.000.000	14.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.010.228</b>	<b>14.010.228</b>	<b>14.000.000</b>	<b>14.000.000</b>

**V.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	265.306.656	2.131.491.381	2.396.798.037	-
Thuế TNCN	118.914.032	564.082.957	508.902.595	174.094.394
<b>Cộng</b>	<b>384.220.688</b>	<b>2.695.574.338</b>	<b>2.905.700.632</b>	<b>174.094.394</b>

**V.15 Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án lô nhà ở thấp tầng LK34,35, 37, 38, 41 KĐT M Vân Canh	2.254.592.531	2.762.889.169
Hợp đồng 101A- Giám sát dự án Vân Canh	-	339.257.272
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	75.000.000	75.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

Chi phí khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV		31.230.000
Dự án Tây Nam Linh Đàm	9.788.010.710	30.950.407.687
Trích lập quỹ dự phòng tiền lương cho năm sau	1.085.779.970	-
<b>Cộng</b>	<b>13.203.383.211</b>	<b>34.158.784.128</b>

**V.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện	119.290.000.000	145.166.751.017
<i>Doanh thu nhận trước</i>	<i>119.290.000.000</i>	<i>145.166.751.017</i>
<b>Cộng</b>	<b>119.290.000.000</b>	<b>145.166.751.017</b>

**V.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền thuế TNCN	10.235.018	10.235.019
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	523.978.400	1.011.872.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.853.526.537	39.657.116.083
<i>Dự án Vân Canh</i>	<i>3.766.188.813</i>	<i>3.306.310.547</i>
<i>Các khoản vãng lai</i>	<i>-</i>	<i>265.100.258</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.087.337.724</i>	<i>1.881.875.278</i>
<i>Hợp tác đầu tư - Dự án Khu nhà ở Bình Minh-Lào Cai</i>	<i>-</i>	<i>34.203.830.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.387.739.955</b>	<b>40.679.223.102</b>

**V.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dự phòng bảo hành sản phẩm	10.726.814.173	10.726.814.173	7.419.424.387	7.419.424.387
<i>Dự án Vân Canh</i>	<i>249.940.981</i>	<i>249.940.981</i>	<i>1.790.044.267</i>	<i>1.790.044.267</i>
<i>Dự án DICT2</i>	<i>8.185.089.203</i>	<i>8.185.089.203</i>	<i>5.325.580.343</i>	<i>5.325.580.343</i>
<i>Dự án TT2, TT6B</i>	<i>2.291.783.989</i>	<i>2.291.783.989</i>	<i>303.799.777</i>	<i>303.799.777</i>
<b>Cộng</b>	<b>10.726.814.173</b>	<b>10.726.814.173</b>	<b>7.419.424.387</b>	<b>7.419.424.387</b>

**V.19 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện	206.267.864.560	149.001.918.607
<i>Doanh thu nhận trước</i>	<i>206.267.864.560</i>	<i>149.001.918.607</i>
<b>Cộng</b>	<b>206.267.864.560</b>	<b>149.001.918.607</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
 Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**V.20 Vốn chủ sở hữu**

a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02 - trang 27, 28)**

b. **Chi tiết góp vốn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của cổ đông	100.000.000.000	100.000.000.000
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

c. **Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

<b>VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
<b>VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng	97.319.528.666	99.232.186.225
<b>Cộng</b>	<b>97.319.528.666</b>	<b>99.232.186.225</b>
<b>VI.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu thuần bán hàng	97.319.528.666	99.232.186.225
<b>Cộng</b>	<b>97.319.528.666</b>	<b>99.232.186.225</b>
<b>VI.3 Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn hàng bán	78.762.114.823	79.238.358.934
<b>Cộng</b>	<b>78.762.114.823</b>	<b>79.238.358.934</b>
<b>VI.4 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.466.285.012	8.355.063.076
<b>Cộng</b>	<b>14.466.285.012</b>	<b>8.355.063.076</b>
<b>VI.5 Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay	28.420.000	108.233.840
<b>Cộng</b>	<b>28.420.000</b>	<b>108.233.840</b>
<b>VI.6 Lợi nhuận khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.266.706.410</b>	<b>556.072.280</b>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	581.818.182	2.227.273
Thu nhập khác	1.684.888.228	553.845.007
<b>Chi phí khác</b>	<b>943.169.712</b>	<b>16.097.862</b>
GTCL của TSCĐ đã thanh lý	571.090.459	-
Chi phí khác	372.079.253	16.097.862
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.323.536.698</b>	<b>539.974.418</b>
<b>VI.7 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm (1)</b>	<b>17.698.380.547</b>	<b>17.061.551.808</b>
Chi phí không được trừ (2)	561.216.558	145.880.289
Tổng thu nhập tính thuế trong năm(3)=(1)-(2)	18.259.597.105	17.207.432.097
<i>Trong đó: Thu nhập tính thuế suất 22%</i>	<i>4.135.773.791</i>	
Thuế TNDN phải nộp trong năm (4)	3.734.634.897	3.785.635.061
Thuế TNDN hoãn lại trong năm (5)	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (6)=(1)-(4)-(5)</b>	<b>13.963.745.650</b>	<b>13.275.916.747</b>
<b>VI.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>13.963.745.650</b>	<b>13.275.916.747</b>
Các khoản tăng, giảm lợi nhuận	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng (+)	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm (-)	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
**Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội**

LN hoặc lỗ PB cho CĐ hiện hữu sở hữu CPPT	13.963.745.650	13.275.916.747
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.396</b>	<b>1.328</b>
<b>VI.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	379.884.404	253.547.607
Chi phí nhân công	8.436.200.579	6.748.525.770
Chi phí khấu hao TSCĐ	886.367.876	664.698.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.125.289.974	3.351.598.042
Chi phí khác bằng tiền	3.792.692.173	700.708.934
	<b>16.620.435.006</b>	<b>11.719.079.137</b>
<b>VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		<b>Số tiền (VNĐ)</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường		12.000.000.000
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		<b>Số tiền (VNĐ)</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường		12.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Công cụ tài chính**

**1.1 Quản lý rủi ro vốn:** Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của Cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

**1.2 Tài sản tài chính:** Là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính:

<b>Khoản mục</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
- Tiền và tương đương tiền	9.837.277.191	9.837.277.191
- Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	96.446.965.261	96.446.965.261
- Các khoản nợ phải thu ngắn hạn	147.954.221.505	147.954.221.505

**1.3 Công nợ tài chính:** Các khoản công nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực Kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty:

<b>Khoản mục</b>	<b>Số dư ngày 31/12/2016</b>
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-
- Phải trả người bán	1.212.642.920
- Phải trả nội bộ và phải trả khác	5.387.739.955

**1.4 Quản lý rủi ro tài chính:**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do trong nước thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc mua hàng từ nhiều nhà cung cấp ở các địa phương khác nhau, cũng như linh hoạt việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua, linh hoạt các biện pháp thu hồi vốn.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

<b>Khoản mục</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-	-	-
- Phải trả người bán	1.212.642.920	-	1.212.642.920
- Phải trả nội bộ và phải trả khác	5.387.739.955	-	5.387.739.955

**2. Thông tin các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan (Công ty mẹ, các cổ đông và các công ty thành viên) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
 Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**2.1 Giao dịch với các bên liên quan:**

<b>Nội dung</b>	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm nay VNĐ</b>	<b>Năm trước VNĐ</b>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo (HUD Tam đảo)	Thành viên Tổng Công ty	134.553.551	68.470.666
<b>Mua hàng</b>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Công ty mẹ	1.912.488.133	7.461.750.400
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3	Thành viên Tổng Công ty	6.689.843.000	15.749.003.000
<i>Trong đó chi tiết gồm:</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD HUD3		-	3.615.729.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3		6.689.843.000	12.133.274.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị - HUDS	Thành viên Tổng Công ty	-	39.681.000
Công ty Cổ phần Phát triển nhà xã hội - HUD.VN	Thành viên Tổng Công ty	-	390.044.365
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo (HUD Tam đảo)		-	97.416.000

**2.2 Công nợ với các bên liên quan**

**Phải thu khác**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	138	108.696.000.000	100.644.444.444
Công ty CP ĐT HUD Tam Đảo	138	15.306.764	-

**Phải thu khách hàng**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	131	-	-

**Các khoản phải trả**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	331	480.600.000	10.621.585.374
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	338	-	1.093.574.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3	331	-	237.419.950
<i>Trong đó chi tiết gồm:</i>			
Công ty CP đầu tư và Xây dựng HUD3		-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3		-	237.419.950
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3	338	-	991.872.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3		-	991.872.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**

Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Công ty HUD-CIC	331	16.770.021	16.770.021
-----------------	-----	------------	------------

**Các khoản trả trước nhà cung cấp**

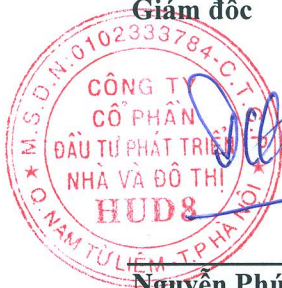
<u>Bên liên quan</u>	<u>Tài khoản</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 3	331	444.986.000	3.777.595.484
<i>Trong đó chi tiết gồm:</i>			
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển nhà HUD3.3</i>		444.986.000	3.777.595.484

**3. Thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**IX Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

**Giám đốc****Kế toán trưởng****Người lập biểu**

Nguyễn Phúc Khánh

Tạ Văn Phương

Hoàng Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**  
 Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Phụ lục 01: Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	<b>3.922.316.817</b>	<b>284.571.365</b>	-	<b>4.206.888.182</b>
Số tăng trong năm	-	-	3.052.000.000	-	-	3.052.000.000
- Mua trong năm	-	-	3.052.000.000	-	-	3.052.000.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	1.120.395.454	-	-	1.120.395.454
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.120.395.454	-	-	1.120.395.454
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	<b>5.853.921.363</b>	<b>284.571.365</b>	-	<b>6.138.492.728</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	<b>2.221.517.153</b>	<b>284.571.365</b>	-	<b>2.506.088.518</b>
Số tăng trong năm	-	-	886.367.876	-	-	886.367.876
- Khấu hao trong năm	-	-	886.367.876	-	-	886.367.876
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	549.304.995	-	-	549.304.995
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	549.304.995	-	-	549.304.995
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	<b>2.558.580.034</b>	<b>284.571.365</b>	-	<b>2.843.151.399</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	-	-	<b>1.700.799.664</b>	-	-	<b>1.700.799.664</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	-	-	<b>3.295.341.329</b>	-	-	<b>3.295.341.329</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**

Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>12.043.553.898</b>	-	-	<b>32.117.908.231</b>	<b>144.161.462.129</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.275.916.747	13.275.916.747
- Tăng khác	-	4.828.486.000	-	-	-	4.828.486.000
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối LNST	-	-	-	-	(29.766.574.000)	(29.766.574.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.872.039.898</b>	-	-	<b>15.627.250.978</b>	<b>132.499.290.876</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.872.039.898</b>	-	-	<b>15.627.250.978</b>	<b>132.499.290.876</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	13.963.745.650	13.963.745.650
- Tăng khác	-	1.569.925.098	-	-	-	1.569.925.098
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Phân phối LNST	-	-	-	-	(14.238.097.234)	(14.238.097.234)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>18.441.964.996</b>	-	-	<b>15.352.899.394</b>	<b>133.794.864.390</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	51.000.000.000	51%	51.000.000.000	51%
Vốn góp của các đối tượng khác	49.000.000.000	49%	49.000.000.000	49%
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD8**

Lô CC3 KĐT Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

**c) Phân phối lợi nhuận trong năm**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận thực hiện trong năm</b>	<b>13.963.745.650</b>	<b>13.275.916.747</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</b>	<b>15.627.250.978</b>	<b>32.117.908.231</b>
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trong năm		
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trong năm		
<b>Lợi nhuận đã phân phối trong năm (*)</b>	<b>14.238.097.234</b>	<b>29.766.574.000</b>
Chia cổ tức	10.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.569.925.098	4.828.486.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.197.895.136	4.828.486.000
Quỹ khen thưởng ban điều hành	398.277.000	37.602.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	72.000.000	72.000.000
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm</b>	<b>15.352.899.394</b>	<b>15.627.250.978</b>

(\*): Lợi nhuận được phân phối theo Nghị quyết số 84/NQ-ĐHCD ngày 20/04/2016 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty.